

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 409/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2024

V/v ly hôn giữa anh Hà và chị Thao.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phôi

Ông Nguyễn Tấn Bình

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Võ Đình H**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Thôn H, xã N, TP ., T. B**; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Hồng T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Thôn H, xã N, TP ., T. B**; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-3-2024 của anh **Võ Đình H** và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị **Phạm Thị Hồng T** kết hôn vào ngày 18/5/2009 có đăng ký kết hôn và được **UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 18/5/2009, trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đầu năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặt khác do thu nhập anh thấp nên chị **T** xem thường anh. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau về cách xử sự trong cuộc

sống hàng ngày và về vấn đề kinh tế gia đình. Từ tháng 01/2023 vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay, mặc dù sống chung một nhà nhưng phần ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Võ Đình K, sinh ngày 31-3-2010 và Võ Ngọc Mỹ A, sinh ngày 12-8-2015, hiện sức khỏe các con vẫn bình thường và đang sống cùng với vợ chồng anh. Các con đều có nguyện vọng được sống cùng chị T sau khi ly hôn nên anh đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của anh, anh không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 04-4-2024, bị đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị khai thống nhất như lời trình bày của anh H. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị từ khoảng tháng 4/2022 vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay kinh cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh H có cách sống gia trưởng, ít quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên giải mong anh H thay đổi để vợ chồng hòa hợp nhưng không được. Từ tháng 01 năm 2023 vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm, chia sẻ giúp đỡ đến ai. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình yêu thương của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T khai thống nhất như anh H đã trình bày. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Võ Đình H được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng

T. Giao hai con chung là cháu **Võ Đình K** và **Võ Ngọc Mỹ A** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, chị **T** không yêu cầu nên không xem xét; Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh **Võ Đình H**, là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22-4-2024. Chị **Phạm Thị Hồng T**, là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22-4-2024. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Võ Đình H** và chị **Phạm Thị Hồng T**.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của anh **H**, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 18/5/2009 do **UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** cấp, căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh **Võ Đình H** và chị **Phạm Thị Hồng T** là hôn nhân hợp pháp. Anh **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **T** vì mâu thuẫn giữa anh và chị **T** đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chị **Phạm Thị Hồng T** đồng ý ly hôn thể hiện tại bản khai ngày 04-4-2024. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh **H** và chị **T** không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa anh **H** và chị **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh **H** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Anh **H** và chị **T** có hai con chung tên là **Võ Đình K**, sinh ngày 31-3-2010 và **Võ Ngọc Mỹ A**, sinh ngày 12-8-2015, hiện sức khỏe các cháu vẫn bình thường. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn của chị **T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Các cháu **K** và **A** đều có nguyện vọng được sống cùng với chị **T** sau khi anh **H** và chị **T** ly hôn, anh **H** cũng đồng ý giao hai con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, do đó giao hai con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** và chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì anh **Võ Đình H** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh **H** và giao hai con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh **Võ Đình H** được ly hôn với chị **Phạm Thị Hồng T**.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là **Võ Đình K**, sinh ngày 31-3-2010 và **Võ Ngọc Mỹ A**, sinh ngày 12-8-2015 cho chị **Phạm Thị Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** và chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh **Võ Đình H** phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000708 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh **H** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh **Võ Đình H** và chị **Phạm Thị Hồng T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- UBND xã Nhơn Hải, **TP. Quy Nhơn, T. Bình Định;**
(ĐKKH số 25/18.5.2009)

-Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Kim Anh